TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y **THÀNH PHỐ Z**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **443/2022/**HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y - THÀNH PHỐ Z

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y - Thành phố Z.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 tháng 9 năm 2022 và ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y - Thành phố Z xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 534/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022; Quyết định tạm dừng phiên tòa số 625/2022/QĐST-HNGĐ và thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 262/TB-TA ngày 23/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn TA, sinh năm 1989

Địa chỉ: 228 Đường B, Phường X, Quận Y, TP. Z.

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ OT2 5.28 số 39 Đường B, Phường M, Quận Y, TP. Z

Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng Bích T, sinh năm 1992

Địa chỉ thường trú: số 35 Đường C, phường V, thành phố T, tỉnh K.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Căn OT2.9.02 tòa nhà SR, 34-35 Đường B, Phường M, Quận Y, TP. Z.

(Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VU ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/06/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn TA trình bày:

Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2017, cấp ngày 30 tháng 9 năm 2017. Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T có một người con chung tên Đoàn Nguyễn Linh Đ, sinh ngày

01/02/2018. Sau một thời gian chung sống, mâu thuẫn giữa ông và bà T bắt đầu nảy sinh do quá trình từ lúc gặp nhau, tìm hiểu đến khi đi đến hôn nhân thời gian rất ngắn, đôi bên không có sự tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả và bà T nhiều lần hành hung ông. Từ tháng 02 năm 2022 đến nay, ông và bà T đã sống ly thân. Nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống và để tránh những mâu thuẫn giữa ông và bà T ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của con nên ông xin ly hôn.

Về con chung: Ông Đoàn TA và bà T có một con chung tên Đoàn Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 01/02/2018. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Đoàn TA xác nhận không có.

Bị đơn bà Nguyễn Hoàng Bích T trình bày:

Bà và ông Đoàn TA là vợ chồng hợp pháp, chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2017, cấp ngày 30 tháng 9 năm 2017. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo bà những mâu thuẫn không trầm trọng. Bà không đồng ý ly hôn với ông TA vì con chung của bà và ông TA còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ để đảm bảo quyền lợi cho con.

Về con chung: Bà Nguyễn Hoàng Bích T xác định bà và ông Đoàn TA có một con chung tên Đoàn Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 01/02/2018. Hiện nay, cháu Linh Đ đang sống cùng ông Đoàn TA, nếu ly hôn, bà đồng ý giao con cho ông TA trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 12/9/2022, bà Nguyễn Hoàng Bích T có đơn đề nghị giám định đoạn băng ghi hình do ông Đoàn TA cung cấp về việc bà T hành hung ông vì bà T cho rằng đoạn video do ông TA cung cấp cho Tòa án đã qua cắt ghép, chỉnh sửa. Tuy nhiên, ngày 23/9/2022, bà Nguyễn Hoàng Bích T có đơn đề nghị rút lại yêu cầu giám định đã trình bày tại phiên tòa, đồng thời bà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Z phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Ông Đoàn TA được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Bích T.

+ Giao con chung tên Đoàn Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 01/02/2018 cho ông TA trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

+ Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Các bên đương sự xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn ông Đoàn TA khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Bích T, bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ Căn OT2.9.02 tòa nhà SR, 34-35 Đường B, Phường M, Quận Y nên đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ngày 12 tháng 9 năm 2022, bà Nguyễn Hoàng Bích T có đơn đề nghị giám định giám định đoạn băng ghi hình do ông Đoàn TA cung cấp, tuy nhiên đến ngày 23 tháng 9 năm 2022, bà Nguyễn Hoàng Bích T có đơn đề nghị rút lại yêu cầu giám định đã trình bày tại phiên tòa; đồng thời, bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Xét thấy, nguyên đơn ông Đoàn TA và bị đơn bà Nguyễn Hoàng Bích T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung khởi kiện:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2017 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận Đ, Thành phố H cấp ngày 30/9/2017 đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T là hợp pháp. Ông TA và bà Bích T tự nguyện đăng ký kết hôn, quan hệ hôn nhân của đôi bên được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo lời trình bày của ông Đoàn TA: Do thời gian ông và bà Bích T quen biết, tìm hiểu và đi đến kết hôn nhanh chóng nên khi về chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi nhau, bà T còn có lời lẽ xúc phạm ba mẹ ông TA. Sau nhiều lần hai bên ngồi lại nói chuyện, bà T không hề có ý định vun đắp cho cuộc sống gia đình, bà nhiều lần sử dụng bạo lực với ông tuy nhiên vì giữ thể diện cho gia đình và không muốn ảnh hưởng đến bà T nên ông không trình báo chính quyền địa phương. Do không muốn việc vợ chồng mâu thuẫn, gây gỗ ảnh hưởng xấu đến con nhỏ nên ông bà đã sống ly thân, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Hoàng Bích T: Bà thừa nhận quá trình chung sống giữa bà và ông Đoàn TA có phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong nhiều lần cãi vã bà không kiềm chế được nên có lớn tiếng nhưng sự việc không nghiêm trọng. Tuy nhiên, do con chung còn nhỏ bà không đồng ý ly hôn.

Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận Y cho thấy: "Tại địa chỉ 228 Đường B, Phường 2, Quận Y hiện nay đang kinh doanh khách sạn. Địa phương không nắm thông tin về mâu thuẫn về vợ chồng giữa ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T. Địa phương cũng không giải quyết việc yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đoàn TA và bà Bích T". Kết quả trả lời xác minh là phù hợp với lời khai của ông Đoàn TA. Trong khoảng thời gian chung sống, ông bà xảy

ra mâu thuẫn, xung đột nhưng vì giữ thể diện cho gia đình nên ông không trình báo với chính quyền địa phương, can thiệp, hòa giải.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T đều xác nhận cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trầm trọng, kéo dài và cả hai không giải quyết được. Bà T không đồng ý ly hôn vì cho rằng muốn hàn gắn tình cảm gia đình tuy nhiên suốt khoảng thời gian ông bà sống ly thân, bà vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng giữa bà và ông TA. Tại phiên tòa ngày 12/9/2022, bà Bích T trình bày giữa vợ chồng ông bà thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống không hạnh phúc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Đoàn TA yêu cầu được ly hôn với bà T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T có một người con chung tên Đoàn Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 01/02/2018. Khi ly hôn, ông Đoàn TA yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, sau khi ông TA và bà Bích T sống ly thân, cháu Đoàn Nguyễn Linh Đ hiện đang được ông TA trực tiếp chăm sóc. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bích T cũng trình bày trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà đồng ý giao trẻ Linh Đ cho ông TA trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Do đó nhằm tránh làm xáo trộn đến cuộc sống ổn định của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy để ông Đoàn TA tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Linh Đ là đúng đắn và phù hợp nhất cho sự phát triển ổn định của trẻ.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đoàn TA phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn TA.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn TA được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng Bích T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2017 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận Đ, Thành phố H cấp ngày 30/ 9/ 2017*)

1.2. Về con chung: Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T có một con chung tên Đoàn Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 01/02/2018. Giao trẻ Đoàn Nguyễn Linh Đ cho ông Đoàn TA trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đoàn TA không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng bà T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn TA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0009002 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y. Ông Đoàn TA đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông Đoàn TA và bà Nguyễn Hoàng Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Quỳnh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Y;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Trần Thị Xuân Quỳnh